

Ngày thi: 14/12/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20	25							55	100			
1	178224853	Hoàng Như Bón	T17XDCB	10		6.5							6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
2	178224854	Trần Xuân Nam	T17XDCB	9		6							9	8.3	Tám phẩy Ba	
3	178224855	Trương Tấn Hải	T17XDCB	9		7							8	8.0	Tám	
4	178224856	Nguyễn Văn Hà	T17XDCB	8		5.5							7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
5	178224857	Phạm Lộc	T17XDCB	9		7							8	8.0	Tám	
6	178224858	Trần Trọng Anh	T17XDCB	10		8							8	8.4	Tám phẩy Bốn	
7	178224859	Vương Trần Lộc	T17XDCB	10		6							7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
8	178224861	Trần Văn Tuấn	T17XDCB	10		8							7	7.9	Bảy phẩy Chín	
9	178224862	Cao Bá Long	T17XDCB	8		5.5							8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
10	178224863	Nguyễn Đức Thọ	T17XDCB	10		6							6	6.8	Sáu phẩy Tám	
11	178224864	Mai Xuân Lan	T17XDCB	9		7							8	8.0	Tám	
12	178224868	Đoàn Gia Huynh	T17XDCB	7		5							7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
13	178224869	Phan Hữu Tài	T17XDCB	9		6.5							7	7.3	Bảy phẩy Ba	
14	178224870	Hồ Quang Thông	T17XDCB	7		6.5							7	6.9	Sáu phẩy Chín	
15	178224872	Đình Văn Long	T17XDCB	10		6.5							7	7.5	Bảy phẩy Năm	
16	178224873	Trần Văn Cường	T17XDCB	8		5.5							8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
17	178224874	Đình Văn Dương	T17XDCB	9		7.5							8	8.1	Tám phẩy Một	
18	178224877	Lưu Hồng Thái	T17XDCB	10		6.5							8	8.0	Tám	
19	178224879	Trần Văn Chí	T17XDCB	7		6.5							8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
20	168222063	Nguyễn Đông Anh	T17XDCB	9		6.5							9	8.4	Tám phẩy Bốn	
21	178223000	Mai Quý Định	T17XDCB	6		5							7.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	21	100%	
2	Số sinh viên nợ	0	0%	
TỔNG CỘNG :		21	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 12 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân